

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;*

*Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Tỉnh ủy Gia Lai về tiếp tục triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc tiếp tục áp dụng Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 - 2027” (được phê duyệt tại Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cũ).*

*Theo đề nghị của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Gia Lai tại Tờ trình số 05-TTr/TĐTN ngày 19 tháng 12 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan theo phạm vi trách nhiệm triển khai thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Vụ Cải cách hành chính (Bộ Nội vụ);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban thuộc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Báo và PT, truyền hình Gia Lai;
- TT Đảng ủy các xã, phường;
- Trường Đại học Quy Nhơn;
- Trường Cao đẳng KTCN Quy Nhơn;
- VNPT Gia Lai;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- Phòng HC-TC;
- Lưu: VT, PVHCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

*Gia Lai, ngày      tháng 12 năm 2025*

## **ĐỀ ÁN**

### **Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số      /QĐ-UBND ngày      tháng      năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

## **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Tỉnh ủy Gia Lai về tiếp tục triển khai Phong trào “*Bình dân học vụ số*” trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc tiếp tục áp dụng Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 - 2027” (được phê duyệt tại Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cũ).

## **I. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC VÀ MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

- Hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng phải phục vụ toàn hệ thống chính trị ở cơ sở và hướng tới giải quyết nhu cầu thực tế của người dân và doanh nghiệp, giúp tiếp cận dịch vụ công nhanh hơn, thuận tiện hơn, đồng thời nâng cao chất lượng đời sống và sinh kế của người dân. Mọi giải pháp của Đề án đều lấy người dân làm trung tâm, triển khai trực tiếp tại thôn, làng, tổ dân phố, bảo đảm người dân được hướng dẫn, hỗ trợ và thụ hưởng công nghệ một cách thiết thực, dễ tiếp cận và phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực.

- Phát huy vai trò tiên phong của lực lượng thanh niên và xây dựng mô hình phát triển bền vững theo hướng lấy thanh niên làm lực lượng nòng cốt, tiên phong trong tiếp cận và lan tỏa công nghệ tới cộng đồng, phù hợp với nhiệm vụ *“đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”*. Đề án phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên trong tổ chức, hướng dẫn và triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng; đồng thời xây dựng mô hình xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm tạo điểm mẫu, lan tỏa và bảo đảm quá trình chuyển đổi số diễn ra ổn định, bền vững và lâu dài.

- Các giải pháp của Đề án phải thiết thực, phù hợp năng lực triển khai ở cơ sở, có tính khả thi cao và đo lường được bằng hệ thống chỉ tiêu cụ thể (KPIs). Việc tổ chức thực hiện cần đồng bộ, liên thông giữa các cấp, phối hợp liên ngành chặt chẽ, công khai, minh bạch và gắn với giám sát, đánh giá thường xuyên để bảo đảm hiệu quả thực chất, tránh hình thức và sử dụng nguồn lực đúng mục đích.

## **2. Nguyên tắc**

- Việc triển khai Đề án phải thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, bảo đảm các nền tảng, quy trình và hoạt động được tổ chức đồng bộ, liên thông, tránh chồng chéo và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

- Các cơ quan, đơn vị liên quan phải phối hợp chặt chẽ, đúng chức năng, nhiệm vụ; chia sẻ thông tin, dữ liệu và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả và bảo đảm sự thống nhất trong toàn hệ thống.

- Nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất phải được quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, đúng đối tượng; bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí và duy trì hoạt động ổn định, bền vững của Tổ công nghệ số cộng đồng và các mô hình triển khai.

- Mọi hoạt động triển khai phải công khai, minh bạch, kèm theo cơ chế giám sát thường xuyên, đánh giá định kỳ và kiểm tra theo chuyên đề; qua đó bảo đảm tính liêm chính, trách nhiệm giải trình và chất lượng thực thi Đề án.

## **3. Mục tiêu**

### **3.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng và phát triển lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng làm nòng cốt trong triển khai chuyển đổi số tại cơ sở; phát huy vai trò xung kích của đoàn viên, thanh niên trong việc đưa công nghệ số, kỹ năng số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào đời sống hằng ngày của người dân; hình thành và phát triển mô hình xã hạt nhân khoa công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm trung tâm lan tỏa; góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số và xây dựng tỉnh Gia Lai phát triển nhanh, bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **3.2.1. Về Tổ công nghệ số cộng đồng**

- 100% xã, phường thành lập và duy trì Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động thường xuyên; mỗi Tổ thực hiện đầy đủ các nhóm nhiệm vụ được giao, có lịch trực, lịch hỗ trợ, kế hoạch tháng và chế độ báo cáo định kỳ.

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng có điểm hỗ trợ số tại nhà văn hóa/UBND xã/điểm sinh hoạt cộng đồng; tổ chức tối thiểu 03 buổi hỗ trợ/tháng cho người dân.

- 100% Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện báo cáo số trực tuyến qua hệ thống trực tuyến, bảo đảm dữ liệu cập nhật hằng ngày, phục vụ công tác giám sát, đánh giá của tỉnh.

#### **3.2.2. Về hỗ trợ tiếp cận kỹ năng số cho người dân**

- Ít nhất 80% người dân trưởng thành đạt chuẩn kỹ năng số cơ bản theo bộ tiêu chí của tỉnh; tối thiểu 60% người dân sử dụng thành thạo 3 loại dịch vụ số thiết yếu<sup>1</sup>.

- 100% cán bộ công chức, đoàn viên, thanh niên và tối thiểu 95% người dân kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2.

- Hằng năm, hỗ trợ 30% người dân cài đặt sản phẩm số.

- Hằng năm, hỗ trợ 30% người dân mở tài khoản thanh toán trực tuyến.

- Hằng năm, hỗ trợ 30% người dân đăng ký chữ ký số công cộng.

- 100% đoàn viên, thanh niên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số trên nền tảng bình dân học vụ số.

#### **3.2.3. Về hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến và xây dựng chính quyền số cấp xã**

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính của người dân được tiếp nhận, xử lý và trả kết quả trực tuyến toàn trình.

- Tối thiểu 70% trong tổng số hồ sơ trực tuyến được thực hiện với sự hỗ trợ của Tổ công nghệ số cộng đồng.

<sup>1</sup> Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, Định danh điện tử (VNeID)

- 100% đoàn viên, thanh niên được thông tin tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến.

*3.2.4. Về đổi mới sáng tạo và mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”*

Đến năm 2030, hỗ trợ 30 xã, phường đạt tiêu chí “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”, đáp ứng các trụ cột về dịch vụ công số, kỹ năng số, dữ liệu số, sáng kiến cộng đồng và an toàn thông tin.

*3.2.5. Về an toàn thông tin, nhận diện lừa đảo và bảo vệ số cho người dân*

- 100% hộ gia đình được hướng dẫn nhận diện các hình thức lừa đảo trực tuyến phổ biến.

- Mỗi năm mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức được ít nhất 02 hoạt động tuyên truyền cho học sinh, thanh niên và người dân về luật an ninh mạng, nhận diện lừa đảo qua mạng internet.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN**

### **1. Phạm vi thực hiện**

Đề án được triển khai thực hiện tại các địa phương trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030.

### **2. Đối tượng thực hiện**

- Cán bộ Đoàn, đoàn viên, thanh niên trong toàn tỉnh;
- Công an xã, lực lượng phụ trách định danh điện tử và an ninh mạng cấp cơ sở.
- Cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại cơ sở.
- Cán bộ, nhân viên của các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trong tỉnh.
- Khuyến khích có sự tham gia của thành viên các tổ chức chính trị - xã hội tại các xã, phường: Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động...

## **III. TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG**

### **1. Nguyên tắc thành lập**

- Được thành lập tại 100% xã, phường trên địa bàn tỉnh.
- Bảo đảm tính đại diện, phù hợp chức năng chuyển đổi số cộng đồng; phát huy lực lượng thanh niên, công an xã và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Do Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập và quản lý trực tiếp tại địa phương, đồng thời chịu sự hướng dẫn chuyên môn từ Tỉnh đoàn, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ.
- Bảo đảm hoạt động thường xuyên, liên tục với tinh thần “*đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người*”.

## 2. Cơ cấu tổ chức

### 2.1. Số lượng

- Mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng có từ **15 - 20 thành viên**, bảo đảm đủ lực lượng luân phiên thực hiện nhiệm vụ.

- Toàn tỉnh thành lập tổng cộng: **135 Tổ** tại các xã, phường.

### 2.2. Thành phần

- Tổ trưởng: Bí thư Đoàn cấp xã (*nơi chưa có Bí thư là đồng chí Phó Bí thư phụ trách*).

- Tổ phó: **02** người (*trong đó 01 người là Bí thư Đoàn thanh niên Công an cấp xã; 01 người là chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc chuyên viên Phòng Văn hóa Thông tin cấp xã phụ trách mảng chuyển đổi số*).

- Thành viên: **12 - 17** người, cụ thể:

+ Đại diện cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách thuộc các khối trong hệ thống chính trị cấp xã, bao gồm: Văn phòng Đảng ủy cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (*việc tham gia của các thành phần nêu trên theo hình thức kiêm nhiệm; không làm phát sinh biên chế, không làm thay chức năng chuyên môn của các cơ quan, đơn vị; nhằm tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong toàn hệ thống chính trị ở cơ sở*).

+ Doanh nghiệp công nghệ, chuyển đổi số (VNPT, Viettel, FPT, Mobifone...).

+ Bí thư các Chi đoàn thôn, khu phố, trường học.

+ Đoàn viên, thanh niên có kỹ năng tốt về công nghệ thông tin.

+ Có thể mời Hội viên các đoàn thể khác tham gia (*Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh...*) và cán bộ thôn, làng, tổ dân phố.

\* Lưu ý: tùy tình hình thực tiễn tại từng địa phương để mời các thành phần khác tham gia Tổ công nghệ số cộng đồng, đảm bảo phát huy tối đa nguồn lực sẵn có tại địa phương.

### 2.3. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên

- Có hiểu biết về công nghệ thông tin hoặc khả năng tiếp thu nhanh.

- Có tinh thần trách nhiệm, thái độ hỗ trợ người dân.

- Có khả năng làm việc tại cộng đồng.

- Tại các vùng có người đồng bào dân tộc thiểu số thì phải có thành viên biết tiếng dân tộc thiểu số.

## 3. Chức năng, nhiệm vụ

### **3.1. Chức năng**

- Đảm nhiệm vai trò then chốt trong tham gia triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị và các thôn, làng, tổ dân phố. Tổ trực tiếp tiếp cận người dân, hướng dẫn thực hành, phổ cập kỹ năng số, qua đó góp phần đưa các chủ trương, chính sách về chuyển đổi số đi vào cuộc sống hằng ngày.

- Hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, định danh điện tử, nền tảng giáo dục số, hồ sơ sức khỏe điện tử, thương mại điện tử...; phân đấu mọi đối tượng, đặc biệt là người dân vùng sâu, vùng xa, người lớn tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số đều có thể tiếp cận công nghệ số một cách thuận lợi và phù hợp.

- Tiếp nhận phản ánh, nhu cầu hỗ trợ của người dân, chuyển thông tin về cơ quan có thẩm quyền, đồng thời triển khai các hướng dẫn kỹ thuật theo chỉ đạo của cấp trên.

- Tổ chức tuyên truyền, cảnh báo các hình thức lừa đảo công nghệ phổ biến; hướng dẫn người dân nhận diện thông tin thất thiệt, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sử dụng tài khoản số an toàn.

### **3.2. Nhiệm vụ chung**

- Tham gia chuyển đổi số cho các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở, bao gồm: tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

- Hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến: hướng dẫn đăng nhập, nộp hồ sơ trực tuyến; hỗ trợ thanh toán trực tuyến các loại phí, lệ phí; hướng dẫn tra cứu tình trạng xử lý hồ sơ và nhận kết quả.

- Hướng dẫn kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 1, mức 2: hỗ trợ cài đặt, kích hoạt và xác thực VNeID; hướng dẫn tích hợp các loại giấy tờ (BHYT, GPLX, tài khoản ngân hàng...); hướng dẫn người dân sử dụng VNeID trong giao dịch hành chính, y tế, giáo dục.

- Hỗ trợ và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt: hướng dẫn sử dụng ví điện tử, ngân hàng điện tử, mã QR thanh toán; hướng dẫn thanh toán hóa đơn điện, nước, viễn thông, học phí, viện phí; tuyên truyền phát triển thói quen thanh toán số tại các hộ kinh doanh, chợ truyền thống.

- Phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân: hướng dẫn sử dụng điện thoại thông minh, các ứng dụng thiết yếu; giúp người dân thực hành từng thao tác theo phương pháp “*cầm tay chỉ việc*”; tổ chức lớp tập huấn theo từng nhóm đối tượng.

- Hỗ trợ phát triển kinh tế số, thương mại điện tử: hướng dẫn đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử; hướng dẫn livestream bán hàng trực tuyến; hỗ trợ tạo mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm.



- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền an toàn thông tin và nhận diện lừa đảo công nghệ.

- Báo cáo và cập nhật dữ liệu lên hệ thống định kỳ: cập nhật số lượt hỗ trợ, loại hình hỗ trợ, kết quả đạt được hàng tuần, tháng, quý, năm theo biểu mẫu chung của tỉnh, đảm bảo dữ liệu trung thực, đầy đủ.

- Mỗi xã/phường tạo 01 nhóm trên nền tảng Zalo (tên nhóm sẽ được tạo với cú pháp: Tổ CNSCĐ-Tên xã/phường); trực tiếp tương tác, hướng dẫn hoạt động của Tổ CNSCĐ và các thành viên của Tổ, cùng chia sẻ cách làm hay, các cá nhân, tập thể tiêu biểu, các mô hình điển hình.

#### **4. Phân công các Tổ/nhóm hỗ trợ chuyên trách trong Tổ công nghệ số cộng đồng**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Tổ công nghệ số cộng đồng và yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi số đồng bộ cho hệ thống chính trị và cộng đồng, mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng được tổ chức thành 03 Tổ/nhóm hỗ trợ chuyên trách, hoạt động dưới sự điều hành thống nhất của Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên.

##### ***4.1. Tổ/nhóm hỗ trợ chuyển đổi số cho hệ thống chính trị cấp xã***

- Số lượng: từ 05 - 07 người.

- Nhóm trưởng: Tổ phó Tổ công nghệ số cộng đồng là chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc chuyên viên Phòng Văn hóa Thông tin cấp xã phụ trách chuyển đổi số.

- Thành phần: đại diện Văn phòng Đảng ủy cấp xã; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; cán bộ, công chức hoặc người hoạt động không chuyên trách có kỹ năng công nghệ thông tin; các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ hoặc đoàn viên thanh niên có kiến thức, trình độ về công nghệ thông tin tại địa phương.

- Hoạt động trong giờ làm việc và theo lịch công tác của cơ quan gắn với nhiệm vụ tại cơ quan để hỗ trợ sử dụng các nền tảng số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; đồng thời tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

##### ***4.2. Tổ/nhóm hỗ trợ chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp***

- Số lượng: từ 13 - 15 người.

- Nhóm trưởng: Tổ trưởng Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Thành phần: các thành viên còn lại của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Hoạt động theo kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể hàng tháng.

##### ***4.3. Tổ/nhóm thường trực tại mỗi thôn bản, tổ dân phố***

- Số lượng: từ 2 - 4 người.

- Tổ/nhóm trưởng: Thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Thành phần: Bí thư Đoàn thanh niên thôn, bản, tổ dân phố; tình nguyện viên có kỹ năng công nghệ thông tin tại thôn, bản, tổ dân phố.

#### ***4.4. Nguyên tắc phối hợp giữa các tổ/nhóm***

- Hỗ trợ hoạt động linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, có thể điều chỉnh thành viên tham gia từng nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu thực tiễn.
- Tổ trưởng chịu trách nhiệm điều phối chung; các Tổ/nhóm trưởng chịu trách nhiệm trực tiếp về tiến độ, chất lượng hỗ trợ theo lĩnh vực được phân công.
- Việc phân công thành viên tham gia các Tổ/nhóm không làm phát sinh tổ chức trung gian, không làm thay chức năng chuyên môn của các cơ quan, đơn vị.

### **IV. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số**

##### ***1.1. Nội dung tuyên truyền***

- a) Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng tới tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân về ý nghĩa, lợi ích của dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt và định danh điện tử VNeID; xác định đây là một trong những nội dung trọng tâm của công tác thông tin, tuyên truyền tại cơ sở.
- b) Xây dựng hệ thống thông điệp, khẩu hiệu, tài liệu tuyên truyền thống nhất trong toàn tỉnh, bảo đảm ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, phù hợp với từng nhóm đối tượng, nhất là người cao tuổi, phụ nữ, người lao động tự do và người đồng bào dân tộc thiểu số (*khuyến khích sử dụng tiếng dân tộc thiểu số*).
- c) Đẩy mạnh tuyên truyền trên nhiều nền tảng: hệ thống truyền thanh cơ sở, báo chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội (*Zalo, Facebook, YouTube, TikTok...*), pano, áp phích, tờ rơi, video clip hướng dẫn ngắn... gắn với các tình huống, nhu cầu thực tế của người dân.
- d) Lồng ghép nội dung về dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số vào các buổi sinh hoạt chi bộ, họp dân, sinh hoạt chi đoàn, chi hội, sinh hoạt ngoại khóa trong trường học và các phong trào, cuộc vận động tại cộng đồng dân cư.
- e) Phát huy tối đa vai trò nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác tuyên truyền tại thôn, làng, tổ dân phố; bảo đảm thông tin đến được từng hộ gia đình, từng nhóm đối tượng trên địa bàn.

##### ***1.2. Giải pháp thực hiện***

- a) Mỗi quý tổ chức “*Tháng cao điểm tuyên truyền chuyển đổi số*” trên địa bàn toàn tỉnh; lựa chọn chủ đề cụ thể cho từng đợt (*dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán số, an toàn thông tin...*) và xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động phù hợp với từng địa phương.

b) Triển khai mô hình “*Mỗi tuần một kỹ năng số*” tại UBND cấp xã, nhà văn hóa, chợ dân sinh, trường học, trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các kênh mạng xã hội của tổ chức Đoàn, Hội, Mặt trận Tổ quốc, bảo đảm mỗi tuần Nhân dân được tiếp cận, học tập, thực hành ít nhất một nội dung cụ thể.

c) Tỉnh đoàn Gia Lai phối hợp với Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai và các cơ quan thông tấn, báo chí Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh để xây dựng chuyên mục, phóng sự, tin bài phản ánh kết quả, mô hình hay, cách làm sáng tạo trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số.

d) Biên soạn, phát hành các sản phẩm truyền thông trực quan (video ngắn, infographic, pano, áp phích...) hướng dẫn từng bước sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID, thanh toán số; ưu tiên sử dụng hình ảnh minh họa dễ hiểu, có phiên bản song ngữ tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

e) Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội khác tổ chức các đợt tuyên truyền lưu động “*đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người*”; kết hợp tuyên truyền với hỗ trợ trực tiếp cài đặt, sử dụng các ứng dụng số thiết yếu ngay tại hộ gia đình.

f) Gắn kết quả tuyên truyền với các phong trào thi đua, tiêu chí thi đua hàng năm của địa phương, đơn vị; đưa chỉ tiêu về tuyên truyền, vận động người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số vào nội dung đánh giá, xếp loại thi đua của chính quyền cơ sở và các tổ chức đoàn thể liên quan.

## **2. Tham gia chuyển đổi số cho các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở**

### **2.1. Nội dung triển khai**

a) Tổ công nghệ số cộng đồng thông qua “*Nhóm hỗ trợ chuyển đổi số cho hệ thống chính trị*”, phối hợp với Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Phòng Văn hóa Thông tin, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hỗ trợ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách nâng cao kỹ năng sử dụng các nền tảng số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và công tác vận động Nhân dân.

Nội dung hỗ trợ tập trung vào việc ứng dụng các nền tảng số triển khai tại địa phương như: phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử, họp trực tuyến, số hóa, chuẩn hóa tài liệu, biểu mẫu, quy trình xử lý công việc trên môi trường mạng; khai thác dữ liệu, báo cáo số, hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương...

b) Hỗ trợ xây dựng, vận hành các kênh thông tin số nhằm tăng cường tương tác hai chiều, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và dư luận xã hội trong Nhân dân, bảo đảm linh hoạt, hiệu quả và đúng nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hệ thống chính trị.

c) Phối hợp tổ chức các buổi hướng dẫn ngắn, chuyên đề về kỹ năng số cho cán bộ các khối trong hệ thống chính trị cấp xã; tập trung vào kỹ năng thực hành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

## **2.2. Giải pháp thực hiện**

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội để phối hợp xây dựng kế hoạch hỗ trợ chuyển đổi số phù hợp; xác định rõ nội dung hỗ trợ, đối tượng, thời gian và trách nhiệm phối hợp.

b) Phát huy vai trò của các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng đến từ Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân hoặc Phòng Văn hóa Thông tin, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc kết nối, phối hợp triển khai; bảo đảm việc hỗ trợ sát thực tế, đúng nhu cầu của từng khối.

c) Lồng ghép nội dung hỗ trợ chuyển đổi số vào sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt Mặt trận, sinh hoạt đoàn thể; kết hợp hướng dẫn trực tiếp với hỗ trợ tại chỗ, tránh tổ chức dàn trải, hình thức.

d) Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện vai trò hỗ trợ, hướng dẫn, đồng hành trong sử dụng công nghệ số trong công tác quản lý, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành.

## **3. Đào tạo và phát triển kỹ năng số cho người dân và thanh niên**

### **3.1. Nội dung đào tạo**

a) Kỹ năng số cơ bản: hướng dẫn người dân sử dụng điện thoại thông minh, quản lý tài khoản số, kết nối internet, cài đặt và sử dụng các ứng dụng thông dụng; biết cách tra cứu thông tin chính thống, lưu trữ dữ liệu an toàn và thực hiện các thao tác cơ bản trên môi trường số.

b) Dịch vụ công trực tuyến: đăng nhập, nộp hồ sơ trực tuyến; khai thác dữ liệu từ kho; bổ sung hồ sơ, thanh toán lệ phí trực tuyến, theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ và nhận thông báo kết quả.

c) Định danh điện tử VNeID: hướng dẫn người dân kích hoạt tài khoản VNeID mức 1, mức 2; tích hợp các giấy tờ cá nhân (*BHYT, GPLX, tài khoản ngân hàng*), sử dụng VNeID trong khám, chữa bệnh, giao dịch hành chính và thanh toán điện tử.

d) Thanh toán không dùng tiền mặt: hướng dẫn sử dụng ngân hàng số, ví điện tử, mã QR, thanh toán hóa đơn điện, nước, viễn thông, học phí, viện phí...; hướng dẫn thiết lập bảo mật giao dịch, phòng tránh rủi ro khi thanh toán trực tuyến.

e) An toàn thông tin cơ bản: hướng dẫn nhận biết dấu hiệu lừa đảo công nghệ, đường “link” độc hại, ứng dụng không an toàn; cách thiết lập mật khẩu mạnh, bảo mật thiết bị, sao lưu dữ liệu và báo cáo sự cố an toàn thông tin.

### **3.2. Giải pháp thực hiện**

a) Tổ chức lớp đào tạo, tập huấn trực tiếp theo nhóm đối tượng định kỳ tại nhà văn hóa, UBND xã hoặc điểm học cộng đồng; chia nhóm theo từng khối đối tượng để bảo đảm phương pháp giảng dạy phù hợp. Mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng duy trì tối thiểu 01 lớp/tháng.

b) Triển khai có hiệu quả mô hình “*cầm tay chỉ việc*”: thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn trực tiếp trên thiết bị cá nhân của người dân, bảo đảm người học thực hành được ngay sau khi được hướng dẫn.

c) Khai thác có hiệu quả nền tảng “*Bình dân học vụ số*”<sup>2</sup> và các bộ công cụ trực tuyến khác để hướng dẫn trực tiếp hoặc khuyến khích người dân tự học.

d) Huy động đoàn viên thanh niên, sinh viên, giáo viên tin học, các doanh nghiệp công nghệ số, tình nguyện viên am hiểu về công nghệ thông tin tham gia hỗ trợ hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho người dân. Khai thác có hiệu quả các đối tượng sau khi tham gia chương trình “*Bình dân học vụ số*” tại cộng đồng.

e) Gắn đào tạo, tập huấn kỹ năng số với các phong trào thi đua tại cơ sở: đưa chỉ tiêu đào tạo, tập huấn kỹ năng số vào tiêu chí đánh giá phong trào thi đua của các thôn, làng; khuyến khích các xã triển khai tổ chức các mô hình “*Gia đình số*”, “*Tổ dân phố sử dụng dịch vụ công trực tuyến*”... để tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

## **4. Hướng dẫn, hỗ trợ trực tiếp người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến**

### **4.1. Nội dung triển khai**

a) Hỗ trợ người dân thiết lập mật khẩu an toàn, xác thực thông tin, khai thác các dữ liệu cá nhân cần thiết. Giải thích rõ các chức năng của tài khoản và cách cập nhật thông tin, bảo đảm người dân có thể chủ động sử dụng trong các lần tiếp theo.

b) Hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến theo quy trình chuẩn: hỗ trợ người dân lựa chọn đúng thủ tục hành chính, chuẩn bị tài liệu, điền biểu mẫu điện tử, đính kèm thành phần hồ sơ, ký số (nếu cần), thanh toán phí, lệ phí và gửi hồ sơ đến cơ quan giải quyết. Đặc biệt, tập trung vào nhóm thủ tục hành chính có nhu cầu giao dịch hằng ngày cao như: hộ tịch (khai sinh, khai tử, kết hôn), cư trú (thường trú, tạm trú), đất đai, giấy phép xây dựng, chính sách giáo dục, y tế, đăng ký kinh doanh...

<sup>2</sup> <https://binhdanhocvuso.gov.vn/>; <https://bqp.dttv.vn/>

c) Hướng dẫn thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính: hướng dẫn người dân thực hiện thanh toán điện tử qua ví điện tử, ngân hàng số, mã QR hoặc cổng thanh toán trực tuyến; hướng dẫn cách kiểm tra giao dịch, lưu hóa đơn điện tử và xử lý sự cố trong quá trình thanh toán.

d) Hướng dẫn người dân biết cách tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ, nhận thông báo tự động, tải kết quả giải quyết (nếu có). Hướng dẫn người dân nộp bổ sung hồ sơ khi có yêu cầu từ cơ quan chuyên môn.

e) Phối hợp Công an xã triển khai định danh điện tử VNeID: hướng dẫn kích hoạt tài khoản VNeID mức 1, mức 2 và tích hợp giấy tờ cá nhân nhằm bảo đảm dữ liệu đồng bộ khi sử dụng dịch vụ công. Hỗ trợ người dân sử dụng VNeID để đăng nhập dịch vụ công trực tuyến, thực hiện giao dịch y tế, giáo dục và các hoạt động khác trên nền tảng số.

f) Hỗ trợ nhóm đối tượng yếu thế: tổ chức các buổi hỗ trợ riêng cho người cao tuổi, người không sử dụng thành thạo thiết bị số, phụ nữ, người khuyết tật và đồng bào dân tộc thiểu số; bảo đảm mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận dịch vụ công trên môi trường điện tử.

## **4.2. Giải pháp thực hiện**

a) Thiết lập điểm hỗ trợ số tại UBND cấp xã và các thôn, làng, khu phố, có bảng hướng dẫn, tài liệu minh họa, máy tính kết nối internet và lịch trực cố định. Người dân có thể đến hỗ trợ bất cứ ngày làm việc nào trong tuần.

b) Tổ công nghệ số cộng đồng trực theo ca hằng ngày, phân công thành viên trực tại điểm hỗ trợ số, bảo đảm mỗi ngày đều có ít nhất 01 - 03 thành viên phụ trách tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp người dân. Lập sổ theo dõi đối tượng được hỗ trợ và nội dung hỗ trợ.

c) Phối hợp xây dựng bộ quy trình chuẩn cho một số thủ tục hành chính phổ biến nhất có hình ảnh minh họa, video hướng dẫn và danh sách lỗi thường gặp. Tất cả được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa và đăng tải trên trang thông tin của tổ chức Đoàn, Trang thông tin điện tử xã, phường...

d) Tổ chức “Ngày dịch vụ công trực tuyến” hằng tháng: mỗi tháng chọn một ngày để huy động toàn bộ lực lượng Đoàn Thanh niên, cán bộ Trung tâm Phục vụ hành chính công, Công an xã và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cùng hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

e) Cập nhật đầy đủ số liệu hỗ trợ lên hệ thống của tỉnh (*số lượt hỗ trợ, loại thủ tục, kết quả hỗ trợ, khó khăn vướng mắc...*) làm cơ sở để UBND xã, UBND tỉnh theo dõi, đánh giá và chỉ đạo điều chỉnh kịp thời.

f) Gắn hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến với các chương trình, phong trào tại cơ sở như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, phong trào thanh niên tình nguyện và các hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại địa phương.

## 5. Hỗ trợ phát triển kinh tế số cộng đồng

### 5.1. Nội dung triển khai

a) Hỗ trợ hộ dân tạo gian hàng và bán hàng trên các sàn thương mại điện tử (TMĐT) như Buudien.vn, Voso, Shopee, Lazada, Tiki...; thiết lập hồ sơ chủ gian hàng, xác minh thông tin, liên kết tài khoản thanh toán và xây dựng gian hàng đạt chuẩn. Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ người dân thực hiện từng bước để bảo đảm người dân có thể tự vận hành gian hàng.

b) Phối hợp các ngành, đơn vị có liên quan hỗ trợ chuẩn hóa hình ảnh, nội dung mô tả, giá bán và phương thức giao nhận sản phẩm. Phát huy hiệu quả vai trò của Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hội đồng tư vấn - hỗ trợ thanh niên Gia Lai khởi nghiệp.

c) Hỗ trợ livestream bán hàng, góp phần xây dựng thương hiệu số của hộ gia đình và thanh niên khởi nghiệp: khuyến khích các trang trại, hộ kinh doanh nông sản, sản phẩm OCOP xây dựng “*thương hiệu số*” để mở rộng thị trường tiêu thụ theo hướng chuyên nghiệp.

d) Hỗ trợ xây dựng hồ sơ sản phẩm, tạo mã QR truy xuất nguồn gốc, kết nối với các nền tảng truy xuất chính thống; hướng dẫn người dân cập nhật thông tin sản xuất, bảo quản, phân phối đảm bảo tính minh bạch, giúp nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

e) Hỗ trợ tham gia các nền tảng quảng cáo số và kênh bán hàng mới: hướng dẫn người dân sử dụng Facebook Marketplace, Zalo OA, TikTok Shop, YouTube Shorts... để quảng bá sản phẩm; kết nối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để tối ưu chi phí quảng cáo.

### 5.2. Giải pháp thực hiện

a) Phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp như: VNPT, Viettel, Vietnam Post, Viettel Post và các doanh nghiệp thương mại điện tử (TMĐT) khác, trong đó các đơn vị viễn thông và bưu chính hỗ trợ kỹ thuật số, logistics, vận chuyển, xử lý thanh toán, tư vấn quy trình TMĐT.

b) Tổ chức các lớp đào tạo và tập huấn chuyên sâu về thương mại điện tử phù hợp với từng đối tượng<sup>3</sup>. Tài liệu đào tạo được chuẩn hóa, khuyến khích có phiên bản song ngữ tại địa bàn dân tộc thiểu số.

c) Tổ chức Hội thi “*Thanh niên livestream bán hàng*” cấp xã, tỉnh: khuyến khích thanh niên sáng tạo nội dung, giới thiệu sản phẩm địa phương; qua đó tạo phong trào mạnh mẽ, lan tỏa rộng rãi kỹ năng bán hàng trực tuyến cho cộng đồng. Sản phẩm nổi bật được lựa chọn để quảng bá trên các kênh truyền thông của tỉnh.

<sup>3</sup> Lớp cơ bản dành cho hộ mới bắt đầu; lớp nâng cao dành cho hộ đã có gian hàng nhưng doanh thu thấp; lớp chuyên đề về livestream, video marketing, xây dựng thương hiệu số.

d) Phối hợp các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan hướng dẫn chuẩn hóa sản phẩm từ khâu sản xuất đến đóng gói, bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, truy xuất nguồn gốc và vận chuyển xa.

e) Tổng hợp danh sách hộ có sản phẩm tiềm năng; phân loại theo nhóm sản phẩm và khả năng tham gia TMĐT; cập nhật thường xuyên trên hệ thống để các cơ quan liên quan theo dõi, hỗ trợ sát nhu cầu thực tế.

f) Kết nối tiêu thụ sản phẩm với doanh nghiệp, sàn TMĐT và tổ chức xúc tiến thương mại như: tổ chức phiên chợ số, kết nối nhà vườn, hợp tác xã với doanh nghiệp thu mua; mời các sàn TMĐT lớn tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại tại địa phương.

## **6. Tuyên truyền, phổ biến an toàn thông tin và nhận diện lừa đảo công nghệ**

### **6.1. Nội dung triển khai**

a) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức cơ bản về an toàn thông tin cho người dân như các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân và tài khoản số, sử dụng thiết bị thông minh an toàn... góp phần nâng cao nhận thức về trách nhiệm của mỗi cá nhân khi tham gia môi trường số.

b) Tuyên truyền, nhận diện các hình thức, thủ đoạn lừa đảo công nghệ phổ biến, thường gặp như: giả mạo cơ quan công an, ngân hàng; gọi điện bán hàng, trúng thưởng; lừa đảo qua mạng xã hội; đường link độc hại; ứng dụng giả mạo; vay tiền online trái phép...

c) Hướng dẫn kỹ năng bảo mật thiết bị và tài khoản số như cách thiết lập mật khẩu mạnh, xác thực hai lớp, bảo mật tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản mạng xã hội; kiểm tra quyền truy cập của ứng dụng.

d) Hướng dẫn quy trình xử lý khi xảy ra sự cố an toàn thông tin như cách khóa tài khoản, báo cáo ngân hàng, trình báo cơ quan công an, thu thập chứng cứ điện tử và hạn chế thiệt hại.

### **6.2. Giải pháp thực hiện**

a) Mỗi Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức tối thiểu 02 lớp tuyên truyền về an toàn thông tin mỗi năm tại mỗi xã tại địa điểm phù hợp, có minh họa tình huống thực tế, ưu tiên phương pháp trao đổi, hỏi đáp.

b) Biên soạn và phát hành bộ tài liệu “5 phút nhận diện lừa đảo công nghệ” dưới dạng video ngắn, infographic với nội dung đơn giản, dễ nhớ, dễ áp dụng; khuyến khích có phiên bản song ngữ tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Thiết lập kênh cảnh báo nhanh tại cơ sở thông qua Zalo OA, fanpage facebook của xã/phường hoặc hệ thống truyền thanh thông minh; bộ công cụ AI



NotebookLM và các công cụ AI khác; cập nhật kịp thời các hình thức lừa đảo mới.

d) Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ trực tiếp người dân cài đặt bảo mật thiết bị, kiểm tra ứng dụng nghi vấn, hướng dẫn xử lý bước đầu khi phát hiện dấu hiệu lừa đảo.

e) Phối hợp Công an xã tổ chức các buổi tuyên truyền chuyên đề; tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân; thống kê, báo cáo các vụ việc liên quan đến lừa đảo công nghệ.

## **7. Triển khai mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”**

Mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” mang tính dẫn dắt trong triển khai Đề án, nhằm xây dựng các điểm mẫu về chuyển đổi số cấp cơ sở, làm nền tảng lan tỏa phương thức quản lý hiện đại, kinh tế số và xã hội số đến các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai mô hình xã hạt nhân cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cấp tỉnh và các xã được lựa chọn, việc triển khai bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, có lộ trình cụ thể, tiêu chí rõ ràng và cơ chế đánh giá, công nhận minh bạch.

### **7.1. Nội dung triển khai**

a) Xây dựng xã hạt nhân theo **05 trụ cột**:

- *Chính quyền số*: triển khai đồng bộ các nền tảng số trong quản lý, điều hành của cả hệ thống chính trị tại cấp xã; ứng dụng các nền tảng số như: phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử, họp trực tuyến, số hóa, chuẩn hóa tài liệu, biểu mẫu, quy trình xử lý công việc trên môi trường mạng; khai thác dữ liệu, báo cáo số, hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương...Phấn đấu tối thiểu 90% hồ sơ thủ tục hành chính của người dân và tổ chức được tiếp nhận, xử lý theo hình thức trực tuyến toàn trình; bảo đảm công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

- *Kinh tế số*: thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP và hàng hóa đặc trưng của địa phương; phát triển mô hình kinh tế hộ gia đình số, kinh tế hợp tác xã gắn với nền tảng số. Khuyến khích người dân, thanh niên khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá sản phẩm và kết nối thị trường.

- *Xã hội số*: đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong giáo dục, y tế và các lĩnh vực an sinh xã hội; triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, học tập trực tuyến, thanh toán học phí và viện phí không dùng tiền mặt. Phấn đấu người dân trong xã được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thông qua môi trường số một cách thuận tiện, an toàn.

- *Đổi mới sáng tạo*: hình thành Câu lạc bộ sáng tạo trẻ cấp xã, khuyến khích đoàn viên, thanh niên, học sinh, giáo viên và người dân đề xuất các sáng kiến, mô hình ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong đời sống và sản xuất. Mỗi xã hạt nhân phải triển khai ít nhất 03 sáng kiến hoặc mô hình chuyển đổi số cộng đồng hằng năm.

- *An toàn thông tin*: triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của chính quyền và cộng đồng; nâng cao kỹ năng số an toàn cho người dân; xây dựng thói quen sử dụng Internet lành mạnh, phòng ngừa rủi ro, lừa đảo trên không gian mạng.

b) Số lượng và lộ trình thực hiện:

- Số lượng: chọn **30** xã, phường trên địa bàn tỉnh để triển khai mô hình (*có Phụ lục kèm theo*).

- Lộ trình thực hiện: ngay trong năm 2026, căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, hạ tầng số và năng lực tổ chức thực hiện, tỉnh lựa chọn đồng loạt 30 xã, phường đại diện cho các vùng, khu vực để triển khai mô hình xã hạt nhân. Trên cơ sở kết quả triển khai, tỉnh tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, hoàn thiện mô hình và duy trì, nâng cao chất lượng các xã hạt nhân đã được lựa chọn, đồng thời làm cơ sở lan tỏa, áp dụng các giải pháp, cách làm hiệu quả ra các xã, phường khác trên địa bàn tỉnh.

c) Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong triển khai mô hình “*Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”: là lực lượng nòng cốt trực tiếp hỗ trợ chính quyền và người dân thực hiện các tiêu chí xã hạt nhân; tham gia tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế số và bảo đảm an toàn thông tin. Tổ có trách nhiệm theo dõi, cập nhật dữ liệu, báo cáo tiến độ thực hiện các tiêu chí xã hạt nhân theo hướng dẫn của tỉnh.

## **7.2. Giải pháp thực hiện**

a) Xây dựng và ban hành bộ tiêu chí xã hạt nhân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, làm căn cứ để các địa phương triển khai, tự đánh giá và đề nghị công nhận. Bộ tiêu chí bao gồm các chỉ tiêu định lượng, định tính rõ ràng, dễ đo lường, phù hợp điều kiện thực tế của cấp xã.

b) Hỗ trợ nguồn lực cho xã hạt nhân: ưu tiên bố trí nguồn lực cho các xã được lựa chọn triển khai mô hình hạt nhân, bao gồm: đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ và Tổ công nghệ số cộng đồng; hỗ trợ trang thiết bị, hạ tầng số; kinh phí cho các hoạt động đổi mới sáng tạo cộng đồng và truyền thông chuyển đổi số.

c) Tổ chức đánh giá, công nhận xã hạt nhân định kỳ: hằng năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mô hình xã hạt nhân trên cơ sở bộ tiêu chí đã ban hành. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận xã đạt

chuẩn; đồng thời công khai kết quả đánh giá trên các phương tiện thông tin đại chúng để tạo động lực thi đua giữa các địa phương.

d) Nhân rộng các mô hình xã hạt nhân hiệu quả: tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm giữa các xã; tổ chức tham quan, học tập mô hình tiêu biểu. Trên cơ sở các mô hình thành công, hướng dẫn, hỗ trợ các xã khác áp dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

e) Gắn kết quả xây dựng xã hạt nhân với công tác thi đua, khen thưởng: các xã đạt chuẩn và duy trì hiệu quả mô hình được ưu tiên xem xét khen thưởng, hỗ trợ nguồn lực trong các chương trình, dự án phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số tiếp theo của tỉnh.

## **8. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá và thi đua, khen thưởng việc triển khai thực hiện Đề án**

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và thi đua, khen thưởng được xác định là khâu then chốt nhằm bảo đảm Đề án được triển khai đúng mục tiêu, tiến độ và đạt hiệu quả thực chất; đồng thời tạo động lực khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân tích cực, chủ động tham gia thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

### **8.1. Nội dung triển khai**

a) Kiểm tra việc triển khai Đề án tại cơ sở: tổ chức kiểm tra việc thành lập, kiện toàn và hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế số và bảo đảm an toàn thông tin. Nội dung kiểm tra tập trung vào tính chủ động, hiệu quả thực hiện và mức độ hoàn thành các chỉ tiêu theo Đề án.

b) Giám sát chất lượng và hiệu quả thực hiện: thực hiện giám sát thường xuyên đối với kết quả triển khai các nhiệm vụ của Đề án; đánh giá mức độ tham gia của người dân, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình, hiệu quả phát triển kinh tế số cộng đồng, mức độ bảo đảm an toàn thông tin và sự hài lòng của người dân đối với các dịch vụ số do chính quyền cung cấp.

c) Sơ kết, tổng kết định kỳ: tổ chức sơ kết hằng năm nhằm đánh giá kết quả thực hiện từng giai đoạn, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong quá trình triển khai; tổ chức tổng kết toàn diện khi kết thúc giai đoạn 2026 -2030 để đánh giá kết quả đạt được, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất định hướng, nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo.

### **8.2. Giải pháp thực hiện**

a) Thành lập đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành: thành lập đoàn kiểm tra, giám sát liên ngành do cơ quan chuyên môn của tỉnh chủ trì, với sự tham gia của đại diện Tỉnh đoàn, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công

nghệ, Công an tỉnh và các ngành có liên quan khác. Việc kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch hằng năm hoặc đột xuất khi cần thiết.

b) Ứng dụng hệ thống dashboard theo dõi, giám sát: ứng dụng hệ thống dashboard dùng chung của tỉnh để theo dõi tiến độ, chỉ tiêu, kết quả thực hiện Đề án theo thời gian thực; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác; làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, điều hành và đánh giá khách quan.

c) Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ: Đoàn thanh niên các xã, phường thực hiện chế độ báo cáo tháng, quý, năm về kết quả triển khai Đề án; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Thực hiện báo cáo chuyên đề khi có yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

d) Công khai kết quả đánh giá: công bố kết quả kiểm tra, giám sát, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các địa phương, đơn vị trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và địa phương; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tạo áp lực tích cực và động lực thi đua giữa các địa phương.

e) Tổ chức công tác thi đua, khen thưởng: xây dựng tiêu chí thi đua, khen thưởng gắn với kết quả thực hiện Đề án, làm căn cứ xét khen thưởng hằng năm và giai đoạn; hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, bảo đảm kịp thời, đúng đối tượng. Ưu tiên khen thưởng đối với:

- Các xã, phường triển khai hiệu quả mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng.
- Các địa phương đạt hoặc vượt chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến, kinh tế số cộng đồng, xã hạt nhân chuyển đổi số.
- Các tập thể, cá nhân có sáng kiến, mô hình, cách làm hiệu quả, có sức lan tỏa trong cộng đồng.

e) Xử lý trách nhiệm và điều chỉnh nhiệm vụ phù hợp thực tiễn: trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá, kịp thời nhắc nhở, phê bình hoặc xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai chậm, không đạt yêu cầu. Đồng thời, chủ động điều chỉnh kế hoạch, nội dung, giải pháp thực hiện Đề án cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí thực hiện Đề án và các kế hoạch triển khai thực hiện Đề án được ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác triển khai thực hiện Đề án.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## 1. Tỉnh đoàn

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm và hướng dẫn cụ thể việc thành lập, kiện toàn, vận hành Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường và các trường đại học, cao đẳng.

- Chỉ đạo hệ thống Đoàn các cấp triển khai các nhiệm vụ tuyên truyền, đào tạo, tập huấn kỹ năng số, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, phát triển kinh tế số cộng đồng và bảo đảm an toàn thông tin.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng tài liệu tập huấn, sổ tay hướng dẫn, học liệu số dùng chung; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ Đoàn và thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Định kỳ hàng tháng, tổ chức họp giao ban giữa Tỉnh đoàn với Sở Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh nhằm đánh giá kết quả triển khai, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thống nhất phương hướng, nhiệm vụ thực hiện trong thời gian tiếp theo.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất điều chỉnh nội dung, giải pháp thực hiện Đề án phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Chủ trì tham mưu công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai Đề án.

## 2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phối hợp với Tỉnh đoàn trong công tác tham mưu tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ việc kết nối, khai thác các nền tảng số, hệ thống thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát thực hiện Đề án.

- Phối hợp tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Đề án để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh chọn và đánh giá kết quả triển khai mô hình “*Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”.

## 3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Tỉnh đoàn, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong Đề án; hướng dẫn xây dựng và triển khai mô hình “*Xã hạt nhân về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”.

- Chủ trì xây dựng bộ tiêu chí xã hạt nhân; hướng dẫn đánh giá, công nhận và nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo, sáng kiến chuyển đổi số tại cơ sở.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động tập huấn, hội thảo, diễn đàn về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo gắn với chuyển đổi số cộng đồng.

#### **4. Công an tỉnh**

- Chỉ đạo Công an các xã, phường phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng triển khai định danh điện tử, hướng dẫn người dân kích hoạt và sử dụng tài khoản VNeID mức 1, mức 2.

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, an ninh mạng; cảnh báo, phòng ngừa các hình thức lừa đảo công nghệ trên địa bàn.

- Phối hợp tiếp nhận, xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật trên không gian mạng phát sinh trong quá trình triển khai Đề án.

#### **5. Sở Tài chính**

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

#### **6. Sở Nội vụ**

- Tham mưu lồng ghép việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án vào các kế hoạch cải cách hành chính và khảo sát đánh giá mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính hằng năm của tỉnh.

- Tham mưu lồng ghép kết quả thực hiện Đề án vào tiêu chí đánh giá, xếp loại thi đua hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phối hợp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai Đề án.

#### **7. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên phối hợp với Đoàn cấp xã triển khai các hoạt động phổ cập kỹ năng số, giáo dục kỹ năng số an toàn cho học sinh.

- Lồng ghép nội dung chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào các hoạt động giáo dục, trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

- Phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng tổ chức các hoạt động trong trường học phù hợp với điều kiện thực tiễn.

#### **8. Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh**

- Phối hợp huy động giảng viên, sinh viên tham gia các hoạt động chuyển đổi số cộng đồng.

- Tổ chức các hoạt động đào tạo, hỗ trợ kỹ năng số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ cộng đồng và địa phương.

- Phối hợp triển khai các chương trình “*Bình dân học vụ số*”, hỗ trợ người dân tại địa phương thực hiện dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế số.

### **9. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường**

- Ban hành quyết định thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương; phối hợp chặt chẽ với Tỉnh đoàn trong công tác quản lý, chỉ đạo, phân công nhiệm vụ và theo dõi hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, bảo đảm Tổ hoạt động đúng mục tiêu, nội dung và yêu cầu của Đề án.

- Phân công nhiệm vụ cho các Tổ/nhóm đảm bảo mỗi thôn bản, tổ dân phố có lực lượng thường trực của Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ công tác chuyển đổi số tại cơ sở.

- Bố trí địa điểm làm việc, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết để Tổ công nghệ số cộng đồng triển khai nhiệm vụ tại cơ sở.

- Chỉ đạo và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, thôn, làng, tổ dân phố tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia các hoạt động chuyển đổi số; tạo điều kiện để Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp cận cộng đồng dân cư, triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp một cách thuận lợi, hiệu quả.

- Tổ chức theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Đề án tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp trong quá trình triển khai.

Trên đây là Đề án phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đồng bộ, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh.

**Phụ lục**  
**Danh sách các xã, phường chọn triển khai mô hình**  
**“Xã hạt nhân về chuyển đổi số” năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

| <b>STT</b> | <b>Xã, phường</b>    |
|------------|----------------------|
| 1          | Phường Quy Nhơn      |
| 2          | Phường Quy Nhơn Nam  |
| 3          | Xã Tuy Phước         |
| 4          | Phường An Nhơn Nam   |
| 5          | Xã Đền Gi            |
| 6          | Xã Canh Vinh         |
| 7          | Xã Tây Sơn           |
| 8          | Xã Vĩnh Thạnh        |
| 9          | Xã Phù Mỹ Bắc        |
| 10         | Xã Ân Tường          |
| 11         | Xã An Hòa            |
| 12         | Phường Tam Quan      |
| 13         | Phường Pleiku        |
| 14         | Xã Biên Hồ           |
| 15         | Xã Chư Păh           |
| 16         | Xã Chư Prông         |
| 17         | Xã Chư Sê            |
| 18         | Xã Chư Pưh           |
| 19         | Phường An Bình       |
| 20         | Xã Đak Pơ            |
| 21         | Xã Kbang             |
| 22         | Xã Kông Chro         |
| 23         | Phường Ayun Pa       |
| 24         | Xã Phú Thiện         |
| 25         | Xã Ia Pa             |
| 26         | Xã Phú Túc           |
| 27         | Xã Đăk Đoa           |
| 28         | Xã Mang Yang         |
| 29         | Xã Ia Grai           |
| 30         | Xã Đức Cơ            |
|            | <b>30 xã, phường</b> |